TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HOÀ
TỈNH LONG AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 77/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 7 - 5 - 2018
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Hiệp;
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Huỳnh Văn Lẽ;
2. Ông Đào Văn Hùng;

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An;

Ngày 7 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 317/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2018 về việc "tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự**:**

1. *Nguyên đơn*: Chị H, sinh năm: 1989;
Địa chỉ: Ấp L, xã G, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An;
2. *Bị đơn*: Anh C, sinh năm: 1979;
Địa chỉ: Ấp L, xã G, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An;

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 02/4/2018 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa chị H trình bày: Chị H và anh C chung sống với nhau vào năm 2010, có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Vợ chồng sống chung với nhau không hạnh phúc, thường phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân bất đồng quan điểm vợ chồng thường xuyên cải vã, sống không hợp nhau. Ngoài ra, anh C nhiều lần đi nhậu về đánh đập chị H. Nay chị H yêu cầu được ly hôn với anh C.

Về con chung: Có 01 con chung tên P, sinh ngày 4/01/2012. Khi ly hôn, chị H xin được quyền nuôi con chung và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời trình bày của anh C: Anh C xác nhận lời trình bày của chị H về tình trạng hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung giữa anh C và chị H theo chị H trình bày là đúng.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H có quan hệ bất chính với người đàn ông khác bên ngoài. Nay chị H xin ly hôn thì anh C không đồng ý vì chị H đem con chung đi mà không có khả năng nuôi con được.

Nếu Tòa án cho ly hôn;

Về con chung: Có 01 con chung tên P, sinh ngày 4/01/2012. Khi ly hôn, anh C xin được quyền nuôi con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con

Tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà căn cứ các kết quả thẩm tra, xét hỏi tại phiên Toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp là hôn nhân gia đình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh C chung sống với nhau vào năm 2010, có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh C là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị H và anh C chung sống với nhau không hạnh phúc thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cải vã dù hai bên đã cố gắng hàn gắn để kéo dài cuộc sống hôn nhân nhưng không được. Tại phiên tòa, chị H và anh C xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên thuận tình ly hôn. Xét sự thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn giữa chị H và anh C là phù hợp theo quy định tại Điều 55 của Luật hôn và nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh C thống nhất khai, vợ chồng chung sống có 01 con chung tên P, sinh ngày 4/01/2012. Khi ly hôn thì cả chị H và anh C đều xin được quyền nuôi con chung. Tại phiên tòa ngày hôm nay, chị H và anh C vẫn giữ nguyên yêu cầu tranh chấp nuôi con. Chị H xin tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con vì cho rằng con chung của chị H là con gái cần có sự chăm sóc của người mẹ, chị H làm công nhân có thu nhập hàng tháng ổn định. Anh C xin nuôi con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con vì anh C cho rằng con cần có cha chăm sóc và anh C có công việc thu nhập ổn định, có chỗ ở ổn định và đang trực tiếp nuôi con chung. Xét thấy, cháu P, sinh ngày 4/01/2012 đang sống với anh C vẫn phát triển bình thường. Mặt khác, chị H cho rằng đang làm công nhân và thuê trọ tại tỉnh Bình Dương, lương tháng thu nhập khoảng 6.000.000đ nhưng chị H cung cấp cho Tòa án hợp đồng lao động thời hạn 01 năm và phiếu thu nhập tiền lương tháng 3 năm 2018 chỉ 2.380.000đ không như chị H trình bày. Chị H tại Tòa khai nếu Tòa án có căn cứ cho chị H nuôi con chung thì

chị H sẽ về Cà Mau sinh sống để nuôi con và xin việc làm nhưng Hội đồng xét xử thấy rằng chị H đang làm thuê tại tỉnh Bình Dương và ở trọ mà nếu giao con chung cho chị H nuôi và chị H về tỉnh Cà Mau để xin việc làm cũng mất một khoảng thời gian không có thu nhập để nuôi con. Ngoài ra, chị H khai sinh sống với bà nội từ khi 08 tháng tuổi và cha mẹ đã ly hôn mỗi người sống một nơi và mẹ chị đã mất và bà nội chị H đã già sống một mình không người thân. Anh C khai hiện đang làm công nhân thu nhập ổng định và có cung cấp cho Tòa án bảng lương 6.790.817đ, có chỗ ở nhà cửa ổn định. Ngoài ra anh C khai đang sinh sống với cha mẹ chỉ ở nhà làm việc nhà có điều kiện đưa đón cháu đi học. Mặt khác, anh C là người đang trực tiếp nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy chị H không có điều kiện chăm sóc con chung còn anh C có điều kiện chăm sóc con chung hơn nên cần tiếp tục giao cháu P, sinh ngày 4/01/2012 cho anh C nuôi là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ngoài ra, anh C không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Chị H và anh C thống nhất khai tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Chị H và anh C thống nhất khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào Điều 28, Điều 35, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử :

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H xin ly hôn với anh C.

Về quan hệ hôn nhân: Chị H được ly hôn với anh C.

Về con chung: Anh C được quyền tiếp tục nuôi con chung tên P, sinh ngày 4/01/2012 hiện anh C đang nuôi. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con vì anh C không yêu cầu. Vì quyền lợi của trẻ, bên không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, anh C có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và chị H có quyền xin thay đổi quyền nuôi con.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sung sơ thẩm công quỹ Nhà nước, được khấu trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai số 2513 ngày 02 tháng 4 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hoà sang án phí để thi hành.

Án này là sơ thẩm, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND huyện
- TAND tỉnh Long An
- UBND xã G
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Văn Hiệp